|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 0602.N.LĐVL**  *Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*  Ngày nhận báo cáo: Ngày 28 tháng 02 năm sau | **SỐ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**  **ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ ĐỂ**  **DUY TRÌ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**  Năm:……….. | Đơn vị báo cáo:  Đơn vị nhận báo cáo:  Cục Việc làm |

*Đơn vị tính: Người*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Mã số** | **Số người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động** |
| A | B | 1 |
| **Tổng số** | 01 |  |

**Biểu số 0602.N.LĐVL: Số người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động**

**1. Khái niệm**

Người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động là người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

Số người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động là những người thỏa mãn khái niệm nêu trên trong kỳ báo cáo.

**2. Cách ghi biểu**

Cột 1 ghi tổng số Số người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

**3. Nguồn số liệu**

Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.